



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 19 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

- + **Bữa sáng:** Cháo tôm khoai mô
- + **Bữa trưa:**
- Món mặn: Sườn non trứng cút kho nước dừa
 - Món canh: Tôm cải bó xôi
 - Món xào: Khoai lang chiên
 - Phụ trưa: Chuối tiêu
- + **Bữa chiều:**
- Ăn xế: Bánh canh hải sản

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	4,330,000	117	316	3,229,500	1,100,500
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	11,258,000	117	316	12,358,500	(1,100,500)
Tổng tiền chợ:	15,588,000			15,588,000	-
Tổng số học sinh đi học:	433				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	16.71				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	7.60				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	9.12				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				3,229,500	
1	Khoai môn tàu sơ chế	kg	9.00	60,000	540,000	
2	Tôm loại 1	kg	10.00	230,000	2,300,000	
3	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
4	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
5	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
6	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	1.00	82,000	82,000	
7	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
8	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
9	Nếp thơm (nếp hương)	kg	3.00	32,000	96,000	
10	Gạo bồ câu (cô may)	kg	6.00	21,000	126,000	
II	Ăn chính + phụ				12,358,500	
1	Bột gạo sợi cắt 1 phân	kg	15.00	28,000	420,000	
2	Nước dừa trong	lít	16.00	15,000	240,000	
3	Điều hạt	kg	0.20	215,000	43,000	
4	Cải bó xôi	kg	9.00	80,000	720,000	

5	Chuối tiêu	Quả	436.00	2,900	1,264,400	
6	Tôm loại 1	kg	6.50	230,000	1,495,000	
7	Mực ống vừa	kg	4.50	260,000	1,170,000	
8	Trứng cút sơ chế (kg)	kg	9.00	95,000	855,000	
9	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
10	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
11	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
12	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	2.00	82,000	164,000	
13	Sườn non	kg	25.00	195,000	4,875,000	
14	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
15	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
16	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	1.00	39,000	39,000	
17	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai/thùngk)	Chai	3.00	32,000	96,000	
18	Khoai lang Đà Lạt sơ chế	kg	8.00	40,000	320,000	
19	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
20	Hành lá	kg	0.12	50,000	6,000	
21	Gạo bồ câu (cỏ may)	kg	24.60	21,000	516,600	
TỔNG CỘNG					15,588,000	

Bằng chữ: Mười lăm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn đồng./.

